

Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ

Nghệ An, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 109/2026/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, giữa:

- Nguyên đơn: anh **Lê Văn B**, sinh năm 1990

Nơi cư trú: **xóm B, xã A, tỉnh Nghệ An**

- Bị đơn: chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1991

Nơi cư trú: **xóm B, xã A, tỉnh Nghệ An**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh **Lê Văn B** và chị **Nguyễn Thị L**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Anh **Lê Văn B** và chị **Nguyễn Thị L** thuận tình ly hôn

- Về nuôi con chung: Giao con chung **Lê Nguyễn Tùng L1**, sinh ngày 17/4/2018 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **Lê Nguyễn Tùng L1** thành niên, đủ 18 tuổi

Anh **Lê Văn B** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **Nguyễn Thị L** số tiền mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 04/2026 cho đến khi cháu **Lê Nguyễn Tùng L1** thành niên, đủ 18 tuổi

Anh **Lê Văn B** có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về quan hệ tài sản: Anh **Lê Văn B** và chị **Nguyễn Thị L** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh **Lê Văn B** thỏa thuận tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh **B** đã nộp theo biên lai số 0001758 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã An Châu, tỉnh Nghệ An ;
- Lưu hồ sơ – VP.

THẨM PHÁN

LÊ VĂN ĐẠT

